

Số: /KH-UBND

Ngọc Hà, ngày tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH
Về việc khắc phục những hạn chế, tồn tại
trong công tác cải cách hành chính năm 2025 của phường Ngọc Hà

Ngày 30/3/2026, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1435/QĐ-UBND về việc công bố Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) năm 2025 đối với các sở, cơ quan tương đương sở và UBND xã, phường trên địa bàn Thành phố. Theo đó, Chỉ số PAR INDEX của UBND phường Ngọc Hà đạt 93,89 điểm, đứng thứ 2 trong khối 17 phường nhóm I và được xếp hạng A.

Qua rà soát kết quả Chỉ số PAR INDEX cho thấy, bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn một số nội dung chưa đạt mục tiêu đề ra, cần tiếp tục tập trung cải thiện, nâng cao hiệu quả thực hiện.

Nhằm phát huy kết quả đạt được và khắc phục các hạn chế; đồng thời nâng cao Chỉ số CCHC của phường Ngọc Hà trong năm 2026 và các năm tiếp theo, UBND phường Ngọc Hà ban hành kế hoạch khắc phục những hạn chế, tồn tại trong công tác CCHC năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Duy trì những thành tích đã đạt được, khắc phục những hạn chế, tồn tại về kết quả thực hiện công tác CCHC của UBND phường Ngọc Hà năm 2025 theo đánh giá của UBND Thành phố, góp phần nâng cao chỉ số CCHC của phường trong năm 2026 và những năm tiếp theo.

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức trong thực hiện công tác CCHC và tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu. Đẩy mạnh công tác CCHC, trọng tâm là cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính (TTHC) và TTHC nội bộ; kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; đẩy mạnh chuyển đổi số; tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong giải quyết công việc cho người dân, tổ chức. Đồng thời, xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp và phân công trách nhiệm cụ thể để góp phần cải thiện, nâng cao chỉ số CCHC của phường trong năm 2026.

2. Yêu cầu

Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra phải bảo đảm tính khả thi, bám sát yêu cầu của từng lĩnh vực, tiêu chí và tiêu chí thành phần trong Bộ Chỉ số CCHC do UBND thành phố Hà Nội ban hành.

- Đánh giá đúng thực trạng, kết quả thực hiện các nội dung và triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao các Chỉ số.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện tại Kế hoạch.

II. NỘI DUNG KHẮC PHỤC TRONG CÔNG TÁC CCHC NĂM 2025

1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

**** Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC:***

- Kết quả thực hiện năm 2025: đạt 0.50/1.50 điểm. Nguyên nhân trừ điểm: Chưa thực hiện việc đăng ký và gửi báo cáo kết quả theo đúng yêu cầu tại Công văn số 5357/SNV-CCHC của Sở Nội vụ; một số văn bản, báo cáo còn gửi chưa đúng thời hạn quy định.

- Chỉ tiêu khắc phục: Thực hiện đầy đủ việc đăng ký và chế độ báo cáo theo quy định; bảo đảm 100% văn bản, báo cáo được gửi đúng, đủ nội dung và đúng thời hạn, phấn đấu đạt điểm tối đa theo tiêu chí đánh giá.

- Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện: Phòng Văn hóa - Xã hội

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo

**** Thực hiện các nhiệm vụ, quy định về kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, phản ánh kiến nghị theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị***

- Kết quả thực hiện năm 2025: đạt 0.48/0.50 điểm. Nguyên nhân trừ điểm: Chưa thực hiện đầy đủ, đúng chế độ báo cáo trong việc triển khai các nhiệm vụ về kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và xử lý phản ánh, kiến nghị theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chỉ tiêu khắc phục: Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; chủ động rà soát, cập nhật đầy đủ số liệu, nội dung; phân công rõ trách nhiệm trong công tác tổng hợp, báo cáo. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, bảo đảm việc thực hiện các nhiệm vụ gắn với chế độ báo cáo kịp thời, đầy đủ, đúng quy định, phấn đấu đạt điểm tối đa theo tiêu chí đánh giá.

- Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện: Văn phòng HĐND và UBND

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo

**** Thực hiện các nhiệm vụ Thành phố giao (Kế hoạch, Kết luận hoặc văn bản khác)***

- Kết quả thực hiện năm 2025: đạt 0.45/0.50 điểm. Nguyên nhân trừ điểm: Việc thực hiện nhiệm vụ vẫn còn để xảy ra tình trạng quá hạn trên Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Thành phố.

- Chỉ tiêu khắc phục: Bảo đảm 100% nhiệm vụ do Thành phố giao (theo Kế hoạch, Kết luận hoặc văn bản khác) được thực hiện đúng tiến độ, cập nhật

đầy đủ trên Hệ thống theo dõi nhiệm vụ; không để phát sinh nhiệm vụ quá hạn, phần đầu đạt điểm tối đa theo tiêu chí đánh giá.

- Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện: Văn phòng HĐND và UBND
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo

2. Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)

**** Rà soát, kiểm tra, xử lý VBQPPL sai quy định***

- Kết quả thực hiện năm 2025: đạt 2.90/3.00 điểm. Nguyên nhân trừ điểm: Chưa thực hiện đầy đủ việc đề xuất xây dựng VBQPPL theo quy định.

- Chỉ tiêu khắc phục: Thực hiện đầy đủ việc rà soát, đề xuất xây dựng VBQPPL theo quy định; bảo đảm 100% nội dung đề xuất được gửi đúng, đủ và đúng thời hạn, phần đầu đạt điểm tối đa theo tiêu chí đánh giá.

- Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện: Văn phòng HĐND và UBND
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo

3. Cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

**** Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC:***

- Kết quả thực hiện năm 2025: đạt 2.50/3.00 điểm. Nguyên nhân trừ điểm: có hồ sơ giải quyết quá hạn.

- Chỉ tiêu khắc phục: Phần đầu 100% hồ sơ TTHC được giải quyết và trả kết quả đúng hạn hoặc trước hạn; 100% hồ sơ quá hạn (nếu phát sinh) được thực hiện xin lỗi đầy đủ, đúng quy định.

- Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện: Văn phòng HĐND và UBND
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo

4. Cải cách tài chính công

**** Xây dựng và báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách:***

- Kết quả thực hiện năm 2025: đạt 0/0.50 điểm. Nguyên nhân trừ điểm: chưa thực hiện việc lập và gửi báo cáo dự toán theo hướng dẫn tại Văn bản số 8696/HD-STC ngày 18/7/2025 của Sở Tài chính.

- Chỉ tiêu khắc phục: Thực hiện đầy đủ việc lập và gửi báo cáo dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách theo quy định; bảo đảm 100% báo cáo được lập đúng, đủ nội dung và gửi đúng thời hạn theo hướng dẫn của Sở Tài chính, phần đầu đạt điểm tối đa theo tiêu chí đánh giá.

- Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo

5. Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước

*** Tỷ lệ văn bản (trừ văn bản mật theo quy định) trao đổi giữa cơ quan Nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số toàn trình bởi chữ ký số chuyên dùng**

- Kết quả thực hiện năm 2025: đạt 0.90/1.00 điểm. Nguyên nhân trừ điểm: vẫn còn nhiều văn bản chưa được ký số toàn trình.

- Chỉ tiêu khắc phục: Bảo đảm 100% văn bản (trừ văn bản mật theo quy định) được trao đổi dưới dạng điện tử và được ký số toàn trình bằng chữ ký số chuyên dùng; không để phát sinh văn bản chưa ký số, phấn đấu đạt điểm tối đa theo tiêu chí đánh giá.

- Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện: Văn phòng HĐND và UBND

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo

6. Điểm thưởng, điểm trừ trong công tác CCHC

*** Điểm thưởng trong triển khai công tác CCHC (Việc đổi mới sáng tạo, Phát triển khoa học, công nghệ, Chuyển đổi số mang tính đột phá, có ảnh hưởng sâu rộng, có tính nổi bật và mang lại hiệu quả, có thể nhân rộng ra nhiều cơ quan, đơn vị; các nhiệm vụ CCHC của đơn vị góp phần cải thiện các Chỉ số PARINDEX, SIPAS, PAPI do Trung ương đánh giá Hà Nội...)**

- Kết quả thực hiện năm 2025: đạt 2.80/5.00 điểm. Chưa phát huy đầy đủ hiệu quả, còn khả năng cải thiện để nâng cao điểm số.

- Chỉ tiêu khắc phục:

+ Phấn đấu có sáng kiến, mô hình CCHC tiêu biểu tham gia Cuộc thi sáng kiến CCHC và được Thành phố ghi nhận, biểu dương, khen thưởng; chủ động rà soát, đề xuất, triển khai các giải pháp, mô hình mới có tính ứng dụng cao trong thực tiễn.

+ Bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp với vị trí việc làm, bảo đảm ổn định tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả thực thi công vụ.

+ Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phân cấp, ủy quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát; phát huy tính chủ động, trách nhiệm của các phòng, ban chuyên môn trong giải quyết công việc.

+ Triển khai hiệu quả cơ chế “Làn xanh” trong giải quyết TTHC, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế của Thành phố.

+ Đẩy mạnh các hoạt động đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công; từng bước nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

+ Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ CCHC, góp phần cải thiện các chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI, PGI, DTI.

- Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện: Phòng Văn hóa - Xã hội
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo

7. Ngoài các nội dung nêu trên, đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần khác trong Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC, kết quả thực hiện của phường năm 2026 bảo đảm duy trì mức điểm như năm 2025.

(Phụ lục kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc phường

- Nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch; trong đó bám sát các nhiệm vụ được giao, chủ động tổ chức khắc phục theo từng nội dung và thực hiện đầy đủ trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu, kết quả đã đề ra.

- Định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nội dung tại Kế hoạch này để lồng ghép trong báo cáo CCHC định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và năm 2026 của UBND phường.

- Giải trình và chịu trách nhiệm trước UBND phường, Chủ tịch UBND phường về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao theo Kế hoạch; trường hợp không đạt chỉ tiêu đề ra, làm ảnh hưởng, giảm điểm các nội dung, tiêu chí trong các Chỉ số, phải báo cáo rõ nguyên nhân và trách nhiệm liên quan.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Tổ chức thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc phường trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện các nội dung, tiêu chí, tiêu chí thành phần tại các Chỉ số theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

- Định kỳ tổng hợp, tham mưu UBND phường báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch này (lồng ghép trong báo cáo CCHC định kỳ).

- Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc các phòng chuyên môn, đơn vị tự đánh giá, chấm điểm, tổng hợp tài liệu kiểm chứng trong công tác chấm điểm Chỉ số PAR INDEX; đồng thời làm đầu mối, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai điều tra xã hội học nhằm xác định các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS và PAPI.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện Chỉ số PAR INDEX năm 2026 của phường; thông tin kịp thời những sáng kiến, giải pháp CCHC của phường đến người dân, doanh nghiệp.

- Tham mưu UBND phường tăng cường kiểm tra công tác CCHC nhằm kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót; tổ chức kiểm tra theo

kế hoạch và đột xuất đối với tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC, kỷ luật công vụ và kỷ cương hành chính; đề xuất biện pháp xử lý vi phạm.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Chủ động phối hợp với UBND phường trong tuyên truyền về nội dung, mục đích, ý nghĩa của Chỉ số CCHC và trách nhiệm của chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch khắc phục những hạn chế, tồn tại trong công tác CCHC năm 2025 của phường Ngọc Hà, đề nghị các cơ quan, đơn vị túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND phường (qua phòng Văn hóa - Xã hội) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- Đ/c CT, PCT UBND phường;
- UB.MTTQ, các tổ chức chính trị xã hội;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị;
- Lưu VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lương Xuân Dương

PHỤ LỤC**Kết quả Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) phường Ngọc Hà năm 2025**

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Kết quả năm 2025
	TỔNG	100	93,89
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	12.5	11,34
1	Triển khai Kế hoạch CCHC của đơn vị	2.00	2
1.1	Kế hoạch CCHC	1.00	1
1.2	Kế hoạch khắc phục các Chỉ số PARINDEX, SIPAS, PAPI của Thành phố	1.00	1
2	Báo cáo nhiệm vụ CCHC	1.00	1
3	Kiểm tra CCHC	1.00	1
3.1	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	0.50	0,5
3.2	Phối hợp cung cấp thông tin, nội dung kiểm tra theo yêu cầu Thành phố	0.50	0,5
4	Tuyên truyền CCHC	3.00	3
4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	1.00	1
4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	1.00	1
4.3	Chỉ tiêu đăng bài trên Trang tin CCHC của Thành phố	1.00	1
5	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC	1.50	0,5
6	Đối thoại của lãnh đạo với người dân, doanh nghiệp	1.00	1
7	Thực hiện các nhiệm vụ, quy định về kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, phản ánh kiến nghị theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị	0.50	0,48
8	Thực hiện các nhiệm vụ Thành phố giao (Kế hoạch, Kết luận hoặc văn bản khác)	0.50	0,45
9	Tiêu chí ĐTXHH	2.00	1,91
9.1	Văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC đầy đủ, kịp thời, phục vụ tốt nhiệm vụ chuyên môn.	0.50	0,48
9.2	Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và CCHC đến người dân, tổ chức.	0.50	0,48
9.3	Công tác chỉ đạo, đôn đốc, thực hiện các nhiệm vụ CCHC của Lãnh đạo xã.	0.50	0,48
9.4	Kết quả thực hiện công tác tiếp công dân; tiếp nhận và giải quyết các phản ánh kiến nghị, đơn thư khiếu nại, tố cáo.	0.50	0,47

II	TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	8.00	7,82
1	Đổi mới công tác xây dựng và thực thi pháp luật	2.00	2
1.1	Công tác xây dựng pháp luật	1.00	1
1.2	Công tác thực thi pháp luật	1.00	1
2	Rà soát, kiểm tra, xử lý VBQPPL sai quy định	3.00	2,9
2.1	Rà soát VBQPPL	2.00	1,9
2.2	Tự kiểm tra việc thực hiện VBQPPL	1.00	1
3.	Thực hiện công tác phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật	1.00	1
4	Tiêu chí ĐTXHH	2.00	1,92
4.1	Mức độ kịp thời, đầy đủ trong tổ chức, triển khai thực hiện VBQPPL tại địa phương	0.50	0,48
4.2	Hiệu quả tổ chức thực hiện VBQPPL tại địa phương	0.50	0,48
4.3	Sự phối hợp và năng lực của đội ngũ cán bộ trong thực hiện VBQPPL	0.50	0,48
4.4	Tính kịp thời trong phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện VBQPPL tại địa phương	0.50	0,48
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	11.00	10,4
1	Rà soát, kiến nghị đề xuất tái cấu trúc và đơn giản hóa TTHC	0.50	0,5
2	Thực hiện quy trình giải quyết TTHC nội bộ và nhiệm vụ chuyên môn của các cơ quan, đơn vị	2.00	2
3	Công khai TTHC	1.00	1
4	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	1.50	1,5
4.1	Tổ chức và hoạt động tại Điểm (Trung tâm) Phục vụ Hành chính công	0.50	0,5
4.2	Đề xuất, phối hợp cơ quan Hiệp quản trên địa bàn nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công	1.00	1
5	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	3.00	2,5
6	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1.00	1
6.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	0.50	0,5

6.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền	0.50	0,5
7	Tiêu chí ĐTXHH	2.00	1,9
7.1	Kết quả thực hiện việc phân cấp, ủy quyền trong giải quyết TTHC của xã/phường (Thành phố phân cấp, ủy quyền)	0.50	0,48
7.2	Tính rõ ràng, đơn giản, thống nhất, không chồng chéo giữa các TTHC do xã, phường thực hiện.	0.50	0,48
7.3	Kết quả giải quyết TTHC đúng hạn, chính xác, đầy đủ	0.50	0,47
7.4	Hiệu quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình xã, phường.	0.50	0,47
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	8.00	7,91
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị	2.00	2
1.1	Ban hành và tổ chức thực hiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn, đơn vị SNCL	1.00	1
1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các phòng chuyên môn, đơn vị SNCL theo các tiêu chí	1.00	1
2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế (công chức, viên chức) được cấp có thẩm quyền giao	2.00	2
3	Thực hiện phân cấp, ủy quyền	2.00	2
3.1	Thực hiện phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của cấp xã	1.00	1
3.2	Kiểm tra và xử lý các vấn đề về phân cấp, ủy quyền phát hiện qua kiểm tra	1.00	1
4	Tiêu chí ĐTXHH	2.00	1,91
4.1	Tính hợp lý, tinh gọn trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy mới của xã/phường	0.50	0,48
4.2	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quy chế làm việc của UBND xã/phường	1.00	0,96
4.3	Hiệu quả trong việc thực hiện Quy trình giải quyết công việc nội bộ (ngoài TTHC) của xã/phường	0.50	0,47
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	12.00	11,73
1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2.00	2
1.1	Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của	1.00	1

	cấp có thẩm quyền		
1.2	Tỷ lệ công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0.50	0,5
1.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc cấp xã bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0.50	0,5
2	Tuyển dụng và sử dụng công chức, viên chức	1.00	1
2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng (tiếp nhận) công chức, viên chức theo quy định	0.50	0,5
2.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức	0.50	0,5
3	Thực hiện quy định về bổ nhiệm, điều động, luân chuyển	1.00	1
4	Thực hiện quy định về chuyển đổi vị trí công tác (định kỳ chuyển đổi vị trí công tác phục vụ phòng chống tham nhũng)	1.00	1
5	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	0.50	0,5
6	Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1.00	1
6.1	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	0.50	0,5
6.2	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành	0.50	0,5
7	Thực hiện kế hoạch công tác tháng, quý, năm và đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng tháng, hàng năm	0.50	0,5
8	Triển khai và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn	2.00	2
9	Tiêu chí ĐTXHH	3.00	2,73
9.1	Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển và phân công nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.50	0,48
9.2	Tinh thần trách nhiệm, thái độ của cán bộ, công chức, viên chức	0.50	0,47
9.3	Trình độ, năng lực của đội ngũ lãnh đạo cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu	0.50	0,48
9.4	Tình trạng cán bộ, công chức, viên chức những nhiều trong thực thi nhiệm vụ	1.00	0,82
9.5	Thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, tại cơ quan và nơi công cộng	0.50	0,48
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	11.50	10,85

1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	2.50	2,5
1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư công	0.50	0,5
1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn từ ngân sách nhà nước	0.50	0,5
1.3	Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí chi đầu tư	0.50	0,5
1.4	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra về tài chính, ngân sách nhà nước	0.50	0,5
1.5	Thực hiện các kiến nghị sau kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	0.50	0,5
2	Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách	1.00	0,5
2.1	Xây dựng và báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách	0.50	0
2.2	Thực hiện công khai dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, quyết toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt và gửi báo cáo theo quy định	0.50	0,5
3	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2.00	2
3.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	1.00	1
3.2	Thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	1.00	1
4	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	3.00	3
4.1	Số đơn vị SNCL tăng mức độ tự chủ kinh phí chi thường xuyên trong năm theo kế hoạch	1.00	1
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL	1.00	1
4.3	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp theo yêu cầu của Thành phố	1.00	1
5	Tiêu chí ĐTXHH	3.00	2,85
5.1	Bố trí đầy đủ nguồn lực (nhân lực, tài chính...) cho công tác CCHC của xã	1.00	0,95
5.2	Việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản công của xã và các đơn vị trực thuộc	1.00	0,95
5.3	Tính hiệu quả trong việc thực hiện chế độ tự chủ về biên chế, tài chính đối với đơn vị sự nghiệp thuộc xã	1.00	0,95

VII	CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	12.50	12,19
1	Xây dựng và triển khai Kế hoạch, văn bản thúc đẩy khoa học công nghệ, chuyển đổi số năm	2.00	2
2	Triển khai các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước	3.00	2,9
2.1	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	1.00	1
2.2	Tỷ lệ văn bản (trừ văn bản mật theo quy định) trao đổi giữa cơ quan Nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số toàn trình bởi chữ ký số chuyên dùng	1.00	0,9
2.3	Tỷ lệ báo cáo (không bao gồm nội dung mật) của UBND cấp xã được cập nhật trên Hệ thống thông tin báo cáo Thành phố, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.	1.00	1
3	Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức	4.00	4
3.1	Triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	1.00	1
3.2	Tỷ lệ hồ sơ DVC trực tuyến toàn trình	1.50	1,5
3.3	Tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công Thành phố trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	1.50	1,5
4	Đảm bảo hạ tầng CNTT phục vụ người dân, doanh nghiệp	0.50	0,5
5	Tiêu chí ĐTXHH	3.00	2,79
5.1	Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai, thực hiện công việc	1.00	0,93
5.2	Nhận thức và thái độ của cán bộ, công chức về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1.00	0,93
5.3	Hiệu quả công tác chuyển đổi số của xã/phường (hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, dịch vụ số...)	1.00	0,93
VIII	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	19.50	18,85
1	Hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội Thành phố giao	5.00	5

2	Kết quả thực hiện thu ngân sách theo chỉ tiêu Thành phố giao (Khai thác và phát triển nguồn thu ngân sách trên địa bàn)	1.50	1,5
3	Tiêu chí ĐTXHH	13.00	12,35
3.1	Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử	1.00	0,9
3.2	Kết quả thực hiện một số nội dung thuộc Chỉ số PAPI	3.00	2,55
3.3	Kết quả thực hiện một số nội dung thuộc Chỉ số SIPAS	9.00	8,9
IX	ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ TRONG CÔNG TÁC CCHC	5.00	2,8
1	Điểm thưởng trong triển khai công tác CCHC (Việc đổi mới sáng tạo, Phát triển khoa học, công nghệ, Chuyển đổi số mang tính đột phát, có ảnh hưởng sâu rộng, có tính nổi bật và mang lại hiệu quả, có thể nhân rộng ra nhiều cơ quan, đơn vị; các nhiệm vụ CCHC của đơn vị góp phần cải thiện các Chỉ số PARINDEX, SIPAS, PAPI do Trung ương đánh giá Hà Nội...)	5	2,8
2	Điểm trừ CCHC (Đề lãnh đạo Thành phố phê bình, nhắc nhở, trật tự an toàn xã hội, môi trường, giao thông, an sinh xã hội, hành vi những nhiều tiêu cực của cán bộ, công chức, viên chức... ảnh hưởng tới uy tín, hình ảnh của Thành phố)	0	0